TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **46/**2019/QĐST-DS	*Tuyên Quang, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 45/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Đ T M T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 2, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Anh **N A T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Hưng Kiều 2, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông N A T có trách nhiệm trả cho bà Đ T M T số tiền nợ gốc 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng); Tiền lãi 18.850.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm năm mươi nghìn); Tổng cộng cả gốc và lãi là **86.850.000đ** (Tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho ông N A T: 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C do Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 01/8/2013 (bản chính); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 070641235 do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 02/12/2008 (bản chính) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí:** Án phí dân sự có giá ngạch của vụ án là **2.171.250đ** (Hai triệu một trăm bẩy mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng)

- Ông N A T phải chịu **1.085.625đ** (Một triệu không trăm tám lăm nghìn sáu trăm hai lăm đồng).

- Bà Đ T M T phải chịu **1.085.625đ** (Một triệu không trăm tám lăm nghìn sáu trăm hai lăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền 2.490.500đ (Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng) bà Đ T M T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000330 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, trả lại cho bà Đ T M T số tiền chênh lệch là **1.404.875đ** (Một triệu bốn trăm linh bốn nghìn tám trăm bẩy lăm đồng);

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

Vương Thị Lan